

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao;

2. Ông Tống Văn Truyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T và ông K yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Trung K tự tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo giấy đăng ký kết hôn số 06 ngày 11/02/2020. Quá trình sống chung không hạnh phúc do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông K vẫn không thay đổi và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, không còn quan tâm,

chăm sóc nhau. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2021, khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông K1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng trong quá trình tố tụng bà T thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung K trình bày: Ông và bà Cao Thị T tự tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình sống chung không hạnh phúc do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên đối với yêu cầu của bà T thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2021, khi ly hôn đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thúy B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung K. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Trung K có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Cao Thị T thấy rằng: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Trung K xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T và ông K đều thừa nhận hai người xác lập quan hệ vợ chồng và đăng ký kết hôn từ năm 2020, đã ly thân từ tháng 10/2023, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn và ông K cũng đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông K.

[4] Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2021, hiện nay hai con đang sống chung với bà Cao Thị T. Bà T và ông K thống nhất giao con cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên ghi nhận.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con. Tuy nhiên, quá trình tố tụng bà T thay đổi ý kiến, không yêu cầu ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông K không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Trung K.

1. Về hôn nhân: Cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trung K.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2021. Khi ly hôn, bà Cao Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Cao Thị T không yêu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007324 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Cao Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Thạnh Hoà
(GCNKH số 06 ngày 11/02/2020);
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cao – Tổng văn Truyền

Hồ Thị Miên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị M

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C;

2. Ông Tống Văn T1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về căn cứ áp dụng: Hội đồng xét xử nhất trí 3/3:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Hội đồng xét xử nhất trí 3/3:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Trung K.

1. Về hôn nhân: Cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trung K.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2021. Khi ly hôn, bà Cao Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Cao Thị T không yêu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Hội đồng xét xử nhất trí 3/3:

Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007324 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Cao Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Các vấn đề khác: Hội đồng xét xử nhất trí 3/3:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cao – Tổng Văn Truyền

Hồ Thị Miên